TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST
Ngày 19-6-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Duy Tuân

Bà Nguyễn Thị Lợi

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Đào Mai Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:*** Bà Đặng Thị Thơ- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Đào Quang T (Tên gọi khác: Đào Quang L); nơi cư trú: Thôn N, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị T; nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có yêu cầu xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng nguyên đơn là ông Đào Quang T (tên gọi khác: Đào Quang L) trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở hai bên đều tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 1984. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại gia đình ông ở thôn N, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được mấy năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm bất hòa căng thẳng, không có hạnh phúc. Mâu

thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình giúp đỡ hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên bà T đã về nhà bố mẹ đẻ tại Thôn T, xã Ahuyện A sinh sống từ năm 1986 đến năm 1992 ông đã đến đón bà T về nhưng cũng chỉ được thời gian ngắn bà T lại tiếp tục bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống cho tới nay. Từ đó hai bên sống ly thân, không còn quan tâm và trách nhiệm với nhau nữa. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể chung sống đoàn tụ với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không có hạnh phúc nên ông đề nghị Toà án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị T có hai con chung là Đào Thị T, sinh ngày 08 tháng 8 năm 1982 và Đào Quang T, sinh ngày 13 tháng 9 năm 1992. Do các con chung đã trưởng thành tự quyết định cuộc sống của mình.

Về tài sản chung: Ông và bà Nguyễn Thị T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa, tại biên bản lấy lời khai bà T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đào Quang T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 1984. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và mâu thuẫn đã được hai bên gia đình giúp đỡ nhưng không có kết quả. Nguyên nhân là do mẹ chồng thường xuyên đánh chửi bà nên bà đã phải đưa con về bên ngoại sinh sống. Tính từ năm 1986 bà và ông T sống ly thân đến nay. Nay ông T xin ly hôn, bà không đồng ý tuy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được nhưng mấy chục năm nay không có ông T bà vẫn sống bình thường, bà không còn liên quan gì đến ông T nên việc ông T xin ly hôn bà thì ông T tự giải quyết với Tòa án.

Về con chung: Bà và ông Đào Quang T có hai con chung Đào Thị T, sinh ngày 08 tháng 8 năm 1982 và Đào Quang T, sinh ngày 13 tháng 9 năm 1992. Do các con chung đã trưởng thành tự quyết định cuộc sống của mình.

Về tài sản chung: Bà và ông Đào Quang T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn và đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã vi phạm các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự vắng mặt tại phiên hòa giải.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 28, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 51, 56, 58, Luật Hôn

nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự: Xử cho ông Đào Quang T (tên gọi khác: Đào Quang L) được ly hôn bà Nguyễn Thị T. Về con chung và tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Ông Đào Quang T (tên gọi khác: Đào Quang L) phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét việc vắng mặt của bị đơn bà Nguyễn Thị T: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành các trình tự giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án bà T có quan điểm đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Toà án thu thập đã có đủ cơ sở xác định lời khai của ông Đào Quang T (tên gọi khác: Đào Quang L) và bà Nguyễn Thị T về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống giữa hai bên là đúng sự thật. Mâu thuẫn vợ chồng được thể hiện ở việc trong quá trình chung sống hai bên bất hòa, không có hạnh phúc và hai bên đã sống ly thân mỗi người ở một nơi từ nhiều năm nay, không còn quan tâm và trách nhiệm đến nhau nữa. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn giữa mẹ ông T và bà T. Mâu thuẫn đã được gia đình can thiệp giúp đỡ nhưng không khắc phục được. Quá trình giải quyết vụ án, ông T xác định vợ chồng không còn tình cảm, hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn không thể khắc phục và đề nghị Tòa án giải quyết cho hai bên được ly hôn còn bà T không đồng ý ly hôn với lý do hiện bà không còn liên quan gì đến ông T. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa ông Đào Quang T và bà Nguyễn Thị T đã kéo dài và trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, do đó yêu cầu xin ly hôn ông T đối với bà T là có cơ sở, cần được chấp nhận để giải phóng cho hai bên khỏi sự ràng buộc bởi quan hệ hôn nhân. Căn cứ vào các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho ông Đào Quang T (tên gọi khác: Đào Quang L) được ly hôn bà Nguyễn Thị T.

[3] Về con chung: Ông Đào Quang T (tên gọi khác: Đào Quang L) và bà Nguyễn Thị T có hai con chung là Đào Thị T, sinh ngày 08 tháng 8 năm 1982 và Đào Quang T, sinh ngày 13 tháng 9 năm 1992. Do các con chung của ông T và bà T đã trưởng thành, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông Đào Quang T (tên gọi khác: Đào Quang L) và bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy, Hội đồng không xem xét giải quyết, sau này hai bên có tranh chấp sẽ xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Ông Đào Quang T (tên gọi khác: Đào Quang L) phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Ông Đào Quang T (tên gọi khác: Đào Quang L) và bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 70, 143, 147, khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đào Quang T (tên gọi khác: Đào Quang L) được ly hôn bà Nguyễn Thị T

2. Về án phí: Ông Đào Quang T (tên gọi khác: Đào Quang L) phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0015042 ngày 19 tháng 03 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, thành phố Hải Phòng. Ông T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông Đào Quang T (tên gọi khác: Đào Quang L) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Tuân **Nguyễn Thị Lợi** **Trương Minh Huế**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự A;
- UBND xã A(Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thu Hương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Tuân **Nguyễn Thị Lợi** **Trương Minh Huế**

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
-Chi cục Thi hành án dân sự A;
-UBND xã Đồng Thái,A, HP;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Minh Huế

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Tuân **Nguyễn Thị Lợi** **Trương Minh Huế**

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
-Chi cục Thi hành án dân sự A;
- UBND TT A, A, HP
(nơi đăng ký kết hôn);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; Lưu HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trương Minh Huế